

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị xã Tân
Châu, tỉnh An Giang đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-TTg ngày 22/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu An Giang, tỉnh An Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 11/03/2013 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch và tổng dự toán kinh phí lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2035;

Căn cứ Công văn số 2430/BXD-QHKT ngày 31/10/2016 của Bộ Xây dựng về việc góp ý Quy hoạch chung thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2035;

Xét Tờ trình số 29/TTr-SXD ngày 03/4/2017 của Sở Xây dựng về việc thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2035,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2035 do Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Xây dựng AB&C lập quy hoạch, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Đồ án Quy hoạch chung thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2035.

2. Phạm vi ranh giới qui hoạch: Phạm vi nghiên cứu lập Quy hoạch chung thị xã Tân Châu, bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị xã Tân Châu, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp Campuchia;
- Phía Đông giáp sông Tiền;
- Phía Tây giáp huyện An Phú và sông Hậu;
- Phía Nam giáp huyện Phú Tân.

3. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa những định hướng phát triển của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội tỉnh An Giang; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Tân Châu; Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế của khẩu An Giang; Quy hoạch vùng Biên giới Tây Nam và Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang đến năm 2030; tạo tiền đề nâng loại thị xã Tân Châu đạt tiêu chuẩn đô thị loại III sau năm 2020.

- Định hướng cho sự phát triển không gian đô thị của thị xã, phát triển hài hòa bền vững. Đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu đồng bộ quy hoạch sử dụng đất đai, không gian kiến trúc đô thị nông thôn, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật vệ sinh môi trường cảnh quan trên cơ sở phân tích đánh giá khoa học nhằm khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, tối ưu hóa các nguồn lực tài chính, nhân lực, thị trường, văn hóa... Khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của địa phương về đầu tư xây dựng đô thị, nông thôn nhằm phát triển du lịch, tăng cường và phát triển hệ thống các công trình dịch vụ và thương mại nhằm phát triển kinh tế - xã hội ổn định chính trị, an ninh quốc phòng, phát triển bền vững.

- Làm cơ sở để chính quyền địa phương và các tổ chức đơn vị triển khai quy hoạch chi tiết các khu vực, lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn theo quy định và là công cụ pháp lý để chính quyền các cấp quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

4. Tính chất:

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của thị xã Tân Châu.
- Là đô thị trung tâm thương mại dịch vụ, sản xuất quan trọng của Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương (*Khu kinh tế vùng tỉnh An Giang - Campuchia*).
- Là đầu mối giao thông thủy, bộ của khu vực, điểm trung chuyển hàng hóa giao thương qua biên giới Campuchia và các nước ASEAN.
- Là đô thị có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng biên giới Tây Nam tổ quốc.

5. Quy mô dân số và đất đai (đến năm định hình):

- Đất đai: 17.643,71ha (toàn thị xã), đất xây dựng đô thị 2.175 ha, chỉ tiêu đất dân dụng 98m²/người.
- Dân số: (toàn thị xã)
 - + Năm 2015: 178.800 người (dân số nội thị 64.590 người).
 - + Năm 2025: 193.000 người (dân số nội thị 107.000 người).
 - + Năm 2035: 213.190 người (dân số nội thị 145.000 người).

6. Định hướng phát triển đô thị đến năm 2035:

Xây dựng thị xã Tân Châu là đô thị loại III trực thuộc tỉnh (năm 2020) gồm:

6.1. Khu vực nội thị:

- Trung tâm thị xã Tân Châu: Dịch vụ thương mại, thương cảng, công nghiệp chế biến, hàng tiêu dùng, xuất khẩu,... bao gồm các phường: Long Thạnh, Long Hưng, Long Phú, Long Châu, Long Sơn và phát triển thêm một phần các xã vào trung tâm đô thị, gồm:

+ Tân An: Cửa ngõ đô thị ra biên giới và công nghiệp chế biến nông sản dọc kênh Xáng.

+ Long An: Khu công nghiệp Nam kênh Xáng và khu trung tâm xã hiện hữu.

+ Phú Vĩnh: Đầu mối giao thông thủy bộ cặp kênh Thần Nông; Cửa ngõ đô thị trung tâm về phía Châu Đốc (đường N1 và đường tỉnh 953); Trạm trại trung tâm nghiên cứu khoa học.

- Vĩnh Xương: Cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương đóng vai trò xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh.

- Châu Giang - Châu Phong: Dịch vụ du lịch làng nghề dân tộc, văn hóa lễ hội người Chăm; có chức năng dịch vụ ẩm thực, lưu trú văn hóa làng nghề dệt thổ cẩm và lễ hội người Chăm kết hợp du lịch trên sông.

6.2. Khu vực ngoại thị:

Gồm các xã: Lê Chánh, Tân Thạnh, Vĩnh Hoà, Phù Lộc và phần chưa đô thị hoá của các xã Tân An, Long An, Phú Vĩnh, Châu Phong.

7. Định hướng phát triển không gian đến năm 2035:

7.1. Định hướng phát triển đô thị: Đô thị phát triển theo 02 trục chính:

- Trục ngang: Theo đường N1 & Đường Tỉnh 953 từ Châu Đốc đến trung tâm thị xã hiện hữu với khu trung tâm có khoảng: 100.000 dân và Khu đô thị bờ Đông Châu Đốc là Châu Giang - Châu Phong khoảng: 25.000 dân.

- Trục dọc: Theo đường tỉnh 952 (Quốc lộ 80B) từ trung tâm hiện hữu đến cửa khẩu Vĩnh Xương có khoảng: 20.000 ÷ 25.000 dân.

7.2. Định hướng các khu chức năng chính:

- Nâng cấp, cải tạo khu hành chính hiện hữu (UBND thị xã - Thị ủy) cặp sông Tiền.

- Khu hành chính mới của thị xã bố trí tại vị trí đón trục Nguyễn Văn Linh ra sông Tiền.

- Khu thương mại dịch vụ cặp sông Tiền (Thương cảng, tài chính, ẩm thực, vui chơi giải trí), các siêu thị bố trí trên trục trung tâm hoặc các giao lộ chính, khu xuất nhập khẩu, các dịch vụ hỗ trợ tại cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương.

- Khu dịch vụ - du lịch bố trí ở khu đô thị Châu Giang (bờ Đông Châu Đốc) và cặp sông Tiền.

- Các công trình công cộng (giáo dục - y tế - hành chính) phân bố đảm bảo cự ly phục vụ và đủ quy mô theo quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Khu nghiên cứu khoa học, đào tạo chuyên ngành bố trí giữa Quốc lộ N1 - Đường Tỉnh 953 gần trung tâm Phú Vĩnh.

- Các làng nghề dệt thổ cẩm kết hợp dịch vụ du lịch ở Châu Giang, làng nghề lụa tơ tằm kết hợp cửa hàng xuất khẩu tại chỗ cho du khách ở Long Châu.

- Sản xuất nông nghiệp còn lại ưu tiên rau màu, cây ăn quả phục vụ dân đô thị.

- Khu trồng rau áp dụng công nghệ cao ở cù lao Tân An, Vĩnh Hòa, Long An, Châu Phong.

- Ngành nghề nuôi cá đặc sản tập trung ở Vĩnh Hòa, Vĩnh Xương (vùng đầu nguồn phù hợp điều kiện sinh trưởng của các loài cá đặc trưng sông Cửu Long).

8. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2035:

Thị xã Tân Châu được định hướng quy hoạch đến giai đoạn định hình năm 2035 gồm các khu chức năng sau:

8.1. Khu vực nội thị: Diện tích: 2.175 ha. Phát triển tại 3 khu vực chính:

- Khu đô thị trung tâm, bao gồm: 5 phường và các khu phát triển mới tại các trung tâm xã Long An, Tân An, Phú Vĩnh. Với quy mô: 1.505 ha.

- + Khu đô thị (cải tạo, nâng cấp) : 535 ha
- + Khu đô thị mới : 595,2 ha
- + Khu công nghiệp : 225 ha
- + Khu vực tái tạo môi trường : 70 ha
- + Khu thương cảng : 21,8 ha

+ Trạm trại nghiên cứu đào tạo khoa học công nghệ: 58 ha.

- Khu đô thị Cửa khẩu Vĩnh Xương, bao gồm: Khu Thương mại - Dịch vụ - Công nghiệp cửa khẩu và Khu đô thị, với qui mô : 400 ha.

- + Khu đô thị KT của khẩu Vĩnh Xương: 364 ha
- + Đất CN – TTCN – Kho tàng: 36 ha

- Khu đô thị dịch vụ du lịch và làng nghề dân tộc Chăm, bao gồm: Châu Giang, Châu Phong. Với quy mô: 270 ha.

- + Khu đô thị dịch vụ Châu Giang: 140 ha
- + Khu đô thị dịch vụ làng nghề dệt thổ cẩm Châu Giang: 130 ha

8.2. Khu vực ngoại thị và dân cư nông thôn: 15.468,71 ha, gồm:

- Đất ở nông thôn + Trung tâm xã: 341 ha
- Đất dự trữ phát triển (cận đô thị): 1.234,8 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản : 500 ha
- Đất tôn giáo, tín ngưỡng: 40 ha
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 30 ha
- Đất Khu du lịch sinh thái và trải nghiệm nông nghiệp: 830 ha
- Đất Khu sản xuất nông nghiệp chất lượng cao: 11.877,71 ha
- Đất sông, mặt nước và đất chưa sử dụng : 615,2 ha

Bảng cân bằng đất giai đoạn định hình năm 2035

Stt	Loại đất	Năm 2035 (145.000 dân nội thị)		
		Tiêu chuẩn (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất xây dựng đô thị (Nội thị)	150	2.175,00	12,33
1	Đất dân dụng	98	1.421,00	
	- Đất ở	55	797,50	

	- Đất công cộng đô thị	6	87,00	
	- Đất thương mại dịch vụ	5	72,50	
	- Đất cây xanh, TDTT	12	174,00	
	- Đất giao thông	20	291,00	
2	Đất ngoài dân dụng	52	754,00	
	- Đất CN-TTCN-kho tàng	18	261,00	
	- Đất giao thông đối ngoại	18	261,00	
	- Đất trường chuyên, trạm trại	4	58,00	
	- Đất khu kinh tế cửa khẩu	7	102,00	
	- Đất HTKT đầu mối	3	43,50	
	- Cây xanh phòng hộ cách ly	2	29,00	
B	Đất ngoại thị		15.468,71	87,67
	- Đất ở nông thôn	50	341,00	
	- Đất sản xuất nông nghiệp		12.707,71	
	+ Đất nông nghiệp chất lượng cao		11.877,71	
	+ Đất du lịch sinh thái trải nghiệm		830,00	
	- Đất nuôi trồng thủy sản		500,00	
	- Đất tôn giáo, tính ngưỡng		40,00	
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa		30,00	
	- Đất dự trữ phát triển		1.850,00	
	+ Đất dự trữ phát triển cận đô thị		1.234,80	
	+ Đất chưa sử dụng, sông, mặt nước		615,20	
	TỔNG CỘNG		17.643,71	100

9. Quy hoạch xây dựng giai đoạn đầu đến năm 2025:

- Trong giai đoạn đầu đến năm 2025, không gian đô thị phát triển từ khu trung tâm theo 2 trục chính là N1 và Quốc lộ 80B đến cửa khẩu Vĩnh Xương và Khu đô thị dịch vụ du lịch Châu Giang hình thành 2 khu đô thị mới kết nối với khu trung tâm hiện hữu.

- Các khu chức năng và các trung tâm hình thành trong giai đoạn đầu cụ thể như sau:

Bảng cân bằng đất giai đoạn ngắn hạn 2025

Stt	Loại đất	Năm 2025 (107.000 dân nội thị)		
		Tiêu chuẩn (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất xây dựng đô thị (Nội thị)	125	1.335,00	7,56
1	<i>Đất dân dụng</i>	85	907,80	
	- Đất ở	50	535,00	
	- Đất công cộng đô thị	5	53,40	
	- Đất thương mại dịch vụ	5	53,40	
	- Đất cây xanh, TDTT	8	85,44	
	- Đất giao thông	18	180,16	
2	<i>Đất ngoài dân dụng</i>	40	427,20	
	- Đất CN-TTCN-kho tàng	12	128,16	
	- Đất giao thông đối ngoại	15	160,20	
	- Đất trường chuyên, trạm trại	3	32,00	
	- Đất khu kinh tế cửa khẩu	5	53,40	
	- Đất HTKT đầu mối	3	32,00	
	- Cây xanh phòng hộ cách ly	2	21,40	
B	Đất ngoại thị		16.308,71	92,44
	- Đất ở nông thôn	40	345,00	
	- Đất sản xuất nông nghiệp		13.824,07	
	- Đất nuôi trồng thủy sản		350,00	
	- Đất tôn giáo, tính ngưỡng		30,00	
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa		20,00	
	- Đất sông, mặt nước - Đất chưa sử dụng		1.739,64	
	TỔNG CỘNG		17643,71	100

10. Quy hoạch sử dụng đất các khu đô thị:

10.1. Khu đô thị trung tâm:

- Khu đô thị trung tâm bao gồm: trung tâm hành chính, trung tâm y tế, trung tâm thương mại dịch vụ, khu công viên cây xanh - TDTT, khu Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Khu trường chuyên trạm trại,... các khu dân cư hiện hữu và xây mới.

- Tổng quy mô diện tích đất khu đô thị trung tâm: 1.505 ha.

Bảng cân bằng đất khu đô thị trung tâm năm 2035

Stt	Loại đất	Năm 2035 (107.000 dân nội thị)	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	1.026,00	68,17
	- Đất ở	569,00	
	- Đất công cộng đô thị	60,60	
	- Đất thương mại dịch vụ	53,50	
	- Đất cây xanh, TDTT	128,40	
	- Đất giao thông	214,00	
B	Đất ngoài dân dụng	479,00	31,83
	- Đất CN - TTCN - kho tàng	190,65	
	- Đất trường chuyên, trạm trại	39,00	
	- Đất hạ tầng đầu mối	32,10	
	- Đất cây xanh phòng hộ cách ly	19,60	
	- Đất giao thông đối ngoại	190,65	
	TỔNG CỘNG	1.505,00	100

10.2. Khu đô thị Vĩnh Xương:

- Khu đô thị Vĩnh Xương bao gồm: Khu kinh tế cửa khẩu, khu thương mại dịch vụ, khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, khu công viên cây xanh - TDTT, đất quân sự,... các khu dân cư hiện hữu và xây mới.

- Tổng quy mô diện tích đất khu đô thị Vĩnh Xương: 400 ha.

Bảng cân bằng đất khu đô thị Vĩnh Xương năm 2035

Stt	Loại đất	Năm 2035 (20.000 dân nội thị)	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	208,00	52,00
	- Đất ở	129,00	
	- Đất công cộng đô thị	12,00	
	- Đất Thương mại dịch vụ	10,00	
	- Đất cây xanh, TDTT	17,00	
	- Đất giao thông	40,00	
B	Đất ngoài dân dụng	192,00	48,00
	- Đất CN - TTCN - Kho tàng	36,00	
	- Đất Khu kinh tế cửa khẩu	102,00	

- Đất trường chuyên, trạm trại	8,00	
- Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	6,00	
- Đất cây xanh phòng hộ, cách ly	4,00	
- Đất giao thông đối ngoại	36,00	
TỔNG CỘNG	400,00	100

10.3. Khu đô thị Châu Giang:

- Khu đô thị Châu Giang bao gồm: Khu thương mại dịch vụ, khu Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, khu công viên cây xanh - TĐTT,... các khu dân cư hiện hữu và xây mới.

- Tổng quy mô diện tích đất khu đô thị Châu Giang: 270 ha.

Bảng cân bằng đất khu đô thị Châu Giang năm 2035

Stt	Loại đất	Năm 2035 (18.000 dân nội thị)	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	187,00	69,26
	- Đất ở	99,00	
	- Đất công cộng đô thị	14,40	
	- Đất thương mại dịch vụ	9,00	
	- Đất cây xanh, TĐTT	28,60	
	- Đất giao thông	36,00	
B	Đất ngoài dân dụng	83,00	30,74
	- Đất CN - TTCN	25,24	
	- Đất trường chuyên, trạm trại	12,60	
	- Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	7,20	
	- Đất cây xanh phòng hộ, cách ly	5,40	
	- Đất giao thông đối ngoại	32,40	
	TỔNG CỘNG	270,00	100

11. Thiết kế đô thị các khu vực đặc biệt quan trọng:

11.1. Trục đô thị mới cặp đường Nguyễn Văn Linh:

- Là trục ngang chính được đầu tư hoàn chỉnh song song với đường N1 và đường Nguyễn Tri Phương:

- Trên trục đường này bố trí các khu chức năng quan trọng của thị xã, bao gồm:

- + Một phần khu hành chính thị xã mới.
- + Khu văn hóa - TDTT chính của đô thị.
- + Khu du lịch thương cảng phát triển về phía Tây Nam.

11.2. Khu Thương cảng thị xã Tân Châu: Tận dụng khu đất bãi bồi không có dân cư và tại vị trí ngã ba sông Tiền - sông Cái Vùng bố trí Khu thương cảng với 6 khu chức năng chính gồm:

- Khu dịch vụ du lịch sông nước
- Khu dịch vụ thương mại
- Khu khách sạn - nghỉ dưỡng
- Quảng trường trung tâm
- Công viên cây xanh tập trung kết nối không gian
- Cầu tàu là nơi đón tiếp du khách bằng đường thủy.

11.3. Khu dịch vụ du lịch Châu Giang: (Khu ở kết hợp tiêu thụ công nghiệp)

- Tận dụng đất bãi bồi phía bờ sông Hậu để tổ chức khu dịch vụ - du lịch - văn hóa - ẩm thực để tận dụng cảnh quan bờ sông Hậu.

- Các nhà hàng, quán Bar cafe - Ca nhạc được thiết kế thấp tầng phía bờ sông và cao dần về phía đường Tỉnh 951.

- Giao thông trong khu vực chủ yếu dành cho người đi bộ, xe đạp hoặc xe điện để không gây ô nhiễm môi trường.

- Các nhà ở cặp đường Tỉnh 951 hiện hữu cải tạo chỉnh trang lấy mặt hậu (bờ sông) làm mặt chính để kinh doanh dịch vụ thương mại phục vụ du khách.

11.4. Khu Thương mại và dịch vụ cửa khẩu Vĩnh Xương:

Khu Thương mại và dịch vụ cửa khẩu Vĩnh Xương bao gồm các khu:

- Khu vực cửa khẩu Quốc tế Vĩnh Xương đã được quy hoạch chi tiết bao gồm: Quốc môn, Đồn biên phòng, Trụ sở hải quan, Kiểm dịch y tế, Xuất nhập cảnh, Trạm kiểm soát liên hợp đường bộ và trạm đường sông hiện hữu.

- Khu dịch vụ thương mại hỗn hợp.
- Khu dịch vụ du lịch văn hóa đặc thù.
- Khu bảo thuế (20,0ha) đang xây dựng.
- Các bãi tập kết hàng hóa.
- Khu đô thị cửa khẩu.
- Khu tái định cư cho dân bờ Bắc kênh Bảy Xã.
- Cụm công nghiệp phục vụ xuất khẩu.

12. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

12.1. Định hướng Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

12.1.1. Quy hoạch san nền và thoát nước mưa đến năm 2035:

a. Chọn cao độ khống chế cốt xây dựng:

- Chọn cốt xây dựng tương ứng với mực nước lũ cao nhất +0,5m (cho các công trình quan trọng) và +0,3m cho các công trình khác.

- Các khu vực trong vùng đê bao được xác định trên mực nước lũ cụ thể:

- + Khu Đô thị Vĩnh Xương: Cốt san nền +6,5m.
- + Khu Đô thị Châu Giang: Cốt san nền +5,0m
- + Các phường Long Thạnh, Long Sơn và Long Phú: Cốt san nền +5,45m.
- + Các phường Long Hưng, Long Châu và một phần Long Phú: Cốt san nền +5,5m theo đường đồng mức lũ năm cao nhất cộng thêm +0,3m ÷ +0,5m tùy theo từng công trình.

b. San nền:

Giải pháp cụ thể thiết kế san nền đối với thị xã Tân Châu được chọn như sau:

- Đối với khu trung tâm cũ và các khu đã xây dựng sẽ tiến hành san đắp cục bộ hoàn thiện nền công trình tới cao độ khống chế trong quá trình cải tạo chỉnh trang đô thị. Nâng cấp cải tạo mạng lưới đường lát hè, nâng cao độ nền đối với khu vực thấp trũng tạo hướng thoát nước, san đắp ao hồ và kinh rạch nhỏ không theo quy hoạch tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đối với tuyến đường ven sông Tiền và các tuyến đường bao quanh thị xã khống chế cao độ của đường $\geq 5,65\text{m}$.

- Đối với khu vực xây dựng mới bên trong đê bao, khống chế các cao độ tim đường và cao độ xây dựng $\geq 5,0\text{m}$.

c. Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa của các phường nội thị của thị xã được thiết kế tách riêng với nước thải sinh hoạt và công nghiệp.

- Các tuyến thoát nước mưa xây dựng mới bằng công tròn BTCT bố trí dọc theo các trục đường và xả trực tiếp ra kênh rạch theo hướng gần nhất.

- Xây dựng các cửa công ngăn lũ kết hợp với trạm bơm, biến các rạch trong phạm vi thị xã thành các hồ điều tiết trong mùa lũ để đảm bảo thoát nước tốt trong mùa mưa lũ.

- Tính toán mạng lưới thoát nước mưa theo phương pháp cường độ giới hạn với các tham số tính toán chu kỳ tràn công:

+P = 3 năm đối với khu trung tâm và công nghiệp.

+P = 1 năm đối với các khu vực còn lại.

- Đối với các khu vực xã (ngoại thị) đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước cho các khu vực trung tâm xã, với hệ thống công thoát nước chung và bố trí các hồ để xử lý sơ bộ trước khi xả ra môi trường sông rạch.

12.1.2. Quy hoạch san nền và thoát nước mưa giai đoạn đầu đến năm 2025:

- Đối với khu trung tâm cũ và các khu đã xây dựng sẽ tiến hành san lấp cục bộ hoàn thiện nền công trình trong quá trình cải tạo chỉnh trang đô thị.

- Nâng cấp cải tạo mạng lưới đường lát hè, nâng cao độ nền đối với khu vực thấp trũng tạo hướng thoát nước, san lấp ao hồ và kênh rạch nhỏ không theo quy hoạch tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Hệ thống thoát nước mưa của các phường nội thị của thị xã trong tương lai sẽ được thiết kế tách riêng với nước thải sinh hoạt và công nghiệp.

- Các tuyến thoát nước xây dựng mới bằng công tròn BTCT bố trí dọc theo các trục đường và xả trực tiếp ra kênh rạch theo hướng ngắn nhất.

- Giải pháp bảo vệ bờ sông: Để bảo vệ bờ sông chống xói lở, tại thị xã Tân Châu hiện nay đã xây dựng hệ thống kè trên bờ sông Tiền khu vực các phường nội thị hiện hữu.

12.1.3. Giải pháp bảo vệ bờ sông:

- Khu vực trung tâm thị xã Tân Châu đã xây dựng hệ thống kè trên bờ sông Tiền. Để bảo vệ bờ sông chống xói lở, cần tiếp tục triển khai kè bờ sông Tiền trong phạm vi phát triển của toàn đô thị.

- Có giải pháp kè chống sạt lở ở bờ sông Hậu thuộc xã Châu Phong và các đoạn kênh Xáng bị lở tại Tân An, Long An.

12.1.4. Kênh Vĩnh An:

- Dự án lấp kênh Vĩnh An giai đoạn 1 đã hoàn thành, tiếp tục thực hiện giai đoạn 2, San lấp tiếp đoạn từ khu đã san lấp giai đoạn 1 đến Kênh Thần Nông để tạo diện mạo mới cho đô thị và giao thông khu vực này.

- Kênh Vĩnh An sau khi san lấp giai đoạn 2 sẽ bố trí và sắp xếp như sau:

+ Xây dựng tuyến đường Nguyễn Thị Định (nối dài), đường Nguyễn Tri Phương (nối dài), các dãy nhà hiện trạng 2 bên đường được sắp xếp cải tạo phù hợp với quy định quản lý xây dựng.

+ Trên đoạn kênh san lấp bố trí dãy nhà phố liên kế kết hợp các công trình dịch vụ công cộng tại các ngã tư giao thông.

+ Công viên trung tâm làm hạt nhân, đảm bảo bán kính phục vụ cho dân cư quanh khu vực.

12.2. Định hướng Quy hoạch hệ thống giao thông:

12.2.1. Quy hoạch hệ thống giao thông đến năm 2035:

* Đường bộ:

a. Quốc lộ:

- Quốc lộ N1: gồm 2 đoạn
- + Đoạn ngoài đô thị (giai đoạn 1), mặt cắt A-A: Lộ giới 55m (21,5-12-21,5)
- + Đoạn ngoài đô thị (giai đoạn 2), mặt cắt A-A: Lộ giới 55m (16,5-22-16,5)
- + Đoạn trong đô thị, mặt cắt 1-1: Lộ giới 71m (6-9-6-11,5-6-11,5-6-9-6)
- Quốc lộ 80B: Đi từ hướng Sa Đét (Đồng Tháp) đến Vĩnh Xương, có đoạn trùng với đường Khánh Bình - Chợ Mới - Vàm Cống, lộ giới gồm các đoạn :

+ Đoạn qua đô thị: Trùng ĐT 954 và ĐT952, mặt cắt 4-4, lộ giới 22m (5-12-5)

+ Đoạn ngoài đô thị: Mặt cắt B-B, lộ giới 55m (21,5-12-21,5)

- Đường Khánh Bình - Chợ Mới - Vàm Cống (là tuyến liên kết nội vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long đi dọc phía Tây Nam sông Tiền, đi từ QL.80 tại Lấp Vò - Đồng Tháp qua các huyện Chợ Mới, Phú Tân, Tân Châu, nối với cửa khẩu Vĩnh Xương và kết nối với QL.91C tại Khánh Bình). Đoạn qua khu vực Tân Châu dọc theo kênh Thần Nông, qua cầu Tân An nhập vào QL80B đến kênh Nhánh Đông, chia thành 2 nhánh nối với cửa khẩu Vĩnh Xương và theo đường tỉnh 950 cặp kênh Nhánh Đông - Nhánh Tây nối Khánh Bình, lộ giới gồm các đoạn:

+ Đoạn có mặt cắt B-B, lộ giới 55m (21,5-12-21,5);

+ Đoạn có mặt cắt C-C, lộ giới 37m (4-5-2-15-2-5-4);

+ Đoạn có mặt cắt D-D, lộ giới 29m (10-9-10).

b. Đường tuần tra biên giới:

- Đường tuần tra biên giới dọc biên giới Việt Nam - Campuchia, được quy hoạch với quy mô tối thiểu đạt cấp VI đồng bằng.

- Bổ sung đường ra biên giới, nâng cấp đường bờ Đông kênh Bảy Xã (ĐH62) nối đường Nam kênh Xáng (ĐH61) đến nhánh QL.80B đi Khánh Bình. Tổ chức phà bắt qua kênh Xáng và xây dựng cầu trong tương lai xa.

c. Đường Tỉnh:

- Đường Tỉnh hiện hữu cải tạo, nâng cấp: các tuyến ĐT.950, ĐT.952, đạt cấp IV đồng bằng: mặt đường 9m. Lộ giới quản lý 29m (10-9-10), mặt cắt D-D.

- Đường Tỉnh 953: Lộ giới quản lý theo mặt cắt D'-D' (tìm đường hiện hữu ra phía bờ kênh Vĩnh An và ra phía dân cư 10m, lòng đường 9m). (2÷>4-9-5,5)

- Đường Tỉnh 952: Đoạn qua đô thị, MC 4-4, lộ giới 22m (5-12-5)

- Nâng cấp tuyến đường dọc bờ Nam kênh Xáng (ĐH61) - Tân Châu nối liền ĐT.952 và ĐT.953 thành đường Tỉnh đạt quy mô cấp IV đồng bằng: mặt đường 7m. Lộ giới quản lý 20m (6,5-7-6,5), mặt cắt E-E

d. Đường Huyện:

Cải tạo nâng cấp các tuyến đường huyện đạt quy mô cấp V đồng bằng: mặt đường tối thiểu 7m. Lộ giới quản lý 20m (6,5-7-6,5), mặt cắt E-E và mặt cắt E'-E' (tìm đường hiện hữu ra phía bờ kênh và ra phía dân cư 10m, lòng đường 7m); (2÷>4-7-6,5), gồm:

- Đường Huyện 48 (dọc kênh K5- Phú Lộc)

- Đường Huyện 61B (dọc bờ Bắc kênh Xáng)

- Đường Huyện 62 (dọc kênh Bảy Xã)

- Đường Huyện 64 (dọc kênh Phú Lộc)

- Đường Huyện 65 (dọc kênh Tân An).

e. Đường đô thị:

- Hệ thống giao thông đô thị giữ theo quy hoạch chung đã được duyệt, đề xuất quy hoạch mở rộng mạng lưới giao thông đô thị về phía Tây kết nối với đường Khánh Bình - Chợ Mới - Vàm Cống. Hệ thống giao thông chính của thị xã, gồm:

• Đường chính đô thị:

- Quốc lộ N1 dự kiến đoạn qua đô thị: phần đường chính 6 làn xe và 2 đường gom 2 bên. Lộ giới 71m (6-9-6-11,5-6-11,5-6-9-6).

- Đường Khánh Bình - Chợ Mới - Vàm Cống) có đoạn trùng QL80B:

+ Đoạn qua đô thị: lộ giới 55m, phần đường chính 6 làn xe và 2 đường gom.

+ Đoạn ngoài đô thị, mặt cắt B-B, lộ giới 55m (21,5-12-21,5)

+ Đoạn ngoài đô thị, mặt cắt C-C, lộ giới 37m (4-5-2-15-2-5-4)

- Đường Nguyễn Văn Linh: Là trục ngang chính bố trí các khu chức năng quan trọng của thị xã, gồm 02 đoạn:

+ Đoạn hiện hữu: giữ nguyên lộ giới

+ Đoạn mới, mặt cắt 2-2, lộ giới 36m (6-10,5-3-10,5-6)

• Đường chính khu vực: gồm các đường

- Đường Tôn Đức Thắng, đường Trần Phú và các đường số 1, số 3, số 4, mở mới, mặt cắt 3-3, lộ giới 24m (6-12-6).

- Đường Trần Hưng Đạo, lộ giới 22m (5-12-5).
- Đường Nguyễn Tri Phương: MC 3'-3', lộ giới 21m (4-13-4).

• *Đường khu vực:*

- Các đường trong khu vực trung tâm hiện hữu giữ nguyên theo lộ giới đã được phê duyệt, các đường mới cách nhau khoảng 300m, lộ giới ≥ 17 m.

- Quy hoạch hệ thống giao thông khu vực đô thị cửa khẩu Vĩnh Xương với mạng lưới đường dạng ô cờ, các tuyến đường khu vực mới mở mới cách nhau khoảng 300m - 400m có lộ giới 22m - 28m.

- Quy hoạch hệ thống giao thông khu vực làng nghề phía Tây thị xã với mạng lưới đường dạng ô cờ, các tuyến đường khu vực mới mở có lộ giới 15m - 20m.

- Các đường nội bộ có lộ giới 12m - 16m.

f. Bến xe:

- Bến xe thị xã Tân Châu duy trì quy mô hiện hữu với diện tích 0,5ha, tại giao đường Tôn Đức Thắng và đường Trần Phú

- Bến xe Tân Châu quy hoạch mới với quy mô khoảng 3ha, tại giao lộ Quốc lộ N1 và đường Trần Phú (nổi dài).

- Bến xe cửa khẩu Vĩnh Xương: xây dựng mới với diện tích 1ha.

g. Vận tải hành khách công cộng:

- Nâng cấp tuyến xe buýt Năng Gù - Tân Châu.

- Nâng cấp tuyến xe buýt Tân Châu theo ĐT.953.

- Mở mới tuyến xe buýt đường Huyện 61 (Đông sông Hậu - Nam kênh Xáng - Trung tâm thị xã qua Châu Phong - Long An).

- Mở mới tuyến xe buýt Núi Sam - Bến xe Châu Đốc - Trung tâm thị xã Tân Châu - Cửa khẩu Vĩnh Xương.

- Phát triển tuyến xe buýt Châu Giang - Phà Tân An thành tuyến Châu Đốc - Vĩnh Xương khi cầu Châu Đốc và cầu Tân An xây dựng xong.

*** Đường thủy:**

a. Luồng tuyến:

- Nạo vét, đảm bảo hành lang an toàn đường thủy các tuyến sông Tiền (sông cấp đặc biệt), kênh Xáng - Tân Châu (kênh cấp I).

- Nạo vét các kênh rạch do huyện quản lý: kênh Nhánh Đông, kênh Nhánh Tây, kênh Bảy Xã.

- Nạo vét đoạn từ kênh Thần Nông đến kênh Xáng và kênh Vĩnh An từ kênh Thần Nông ra sông Hậu.

b. Cảng, bến:

- Xây dựng cảng Tân Châu:

+ Giai đoạn đến 2025: cỡ tàu 2.000T, công suất 500.000 tấn/năm.

+ Giai đoạn đến 2035: cỡ tàu 5.000T, công suất 1 triệu tấn/năm.

- Xây dựng bến Vĩnh Xương, cỡ tàu 2.000T, công suất 500.000 tấn/năm.

12.2.2. Quy hoạch hệ thống giao thông giai đoạn đầu đến năm 2025:

*** Đường bộ:**

a. Quốc lộ và đường Tỉnh:

- Quốc lộ N1 đoạn Tân Châu - Châu Đốc từng bước hoàn thiện và kết hợp phát triển các mạng lưới giao thông trong khu vực;

- Dự án cầu Tân An – Quốc lộ 80B (ĐT.952) hoàn thành vào cuối năm 2017, tạo điều kiện đi lại thuận tiện cho nhân dân trong vùng;

- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh hiện hữu gồm: ĐT.950, ĐT.951, ĐT.953 đạt cấp IV đồng bằng.

- Nâng cấp tuyến đường dọc bờ Nam kênh Xáng (ĐH61) kết nối thông suốt ĐT.952 và ĐT.953.

- Nâng cấp đường bờ Đông kênh Bảy Xã nối đường Nam Kênh Xáng đến ĐT.950 đi Khánh Bình và Vĩnh Xương, tổ chức phà bắt qua kênh Xáng.

- Đường tuần tra biên giới dọc biên giới Việt Nam – Campuchia với quy mô tối thiểu đạt cấp VI Đồng Bằng.

b. Đường chính đô thị:

- Quốc lộ N1 đoạn qua đô thị: phần đường chính 6 làn xe và 2 đường gom 2 bên, lộ giới 71m.

- Đường Khánh Bình - Chợ Mới - Vàm Cống đoạn qua đô thị: phần đường chính 6 làn xe và 2 đường gom 2 bên, lộ giới 55m.

c. Đường chính khu vực:

- Cải tạo nâng cấp mở rộng đường Tôn Đức Thắng, Trần Phú, lộ giới 24m.

- Quốc lộ 80B (ĐT.954 cũ) đoạn qua đô thị có lộ giới 22m.

- Các đường chính khu vực mới cách nhau 300m - 600m có lộ giới 24m.

d. Bến xe:

- Bến xe Tân Châu hiện hữu: duy trì quy mô với diện tích 0,5ha.

- Bến xe Tân Châu mới: xây dựng với quy mô khoảng 1ha - 1,5ha.

- Bến xe cửa khẩu Vĩnh Xương: xây dựng mới với diện tích 1ha.

e. Vận tải hành khách công cộng:

- Nâng cấp các tuyến xe buýt Năng Gù - Tân Châu.
- Phát triển tuyến xe buýt Châu Giang - Phà Tân An thành tuyến Châu Đốc - Vĩnh Xương khi cầu Châu Đốc và cầu Tân An xây dựng xong.

*** Đường thủy:**

a. Luồng tuyến:

- Nạo vét, đảm bảo hành lang an toàn đường thủy các tuyến sông Tiền (sông cấp đặc biệt), kênh Xáng - Tân Châu (kênh cấp I).
- Nạo vét các kênh rạch do huyện quản lý: kênh Nhánh Đông, kênh Nhánh Tây, kênh Bảy Xã.

b. Cảng, bến:

- Xây dựng cảng Tân Châu: cỡ tàu 2.000T, công suất 500.000 tấn/năm.
- Xây dựng bến Vĩnh Xương, cỡ tàu 2.000T, công suất 500.000 tấn/năm.

12.3. Định hướng Quy hoạch hệ thống cấp nước:

12.3.1. Quy hoạch hệ thống cấp nước đến năm 2035:

a. Nguồn nước:

*** Nguồn nước ngầm:**

- Nước ngầm tầng sâu: tại khu vực thị xã, do nhiễm phèn và sắt không dùng trong sinh hoạt được.
- Nước ngầm tầng nông: lưu lượng nước trong các lỗ khoan nghiên cứu với máy bơm tay đều đạt lưu lượng khoảng 1l/s. Mực nước tĩnh dao động 4,40 ÷ 4.85 m đang được xử lý sơ bộ và sử dụng trong các nhà dân ở xa nguồn nước máy.

*** Nguồn nước mặt:**

- Sông Tiền là nguồn nước ngọt chính cung cấp cho khu đô thị trung tâm thị xã Tân Châu và Khu đô thị Cửa khẩu Vĩnh Xương.
- Sông Hậu cung cấp nước ngọt cho Khu đô thị Châu Giang, Châu Phong.

b. Phương án cấp nước:

- Giữ nguyên nhà máy nước hiện hữu, mở rộng và chuyển đổi một số trạm cấp nước khu vực ngoại thị thành các trạm bơm tăng áp.
- Nguồn nước khai thác nước mặt sông Sông Tiền.
- Công trình đầu mối:
 - + Mở rộng nhà máy nước Vĩnh Xương công suất $Q=10.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
 - + Mở rộng nhà máy nước Long Sơn công suất $Q=10.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- + Mở rộng nhà máy nước Long Châu công suất $Q=15.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- + Mở rộng nhà máy nước Châu Phong công suất $Q=5.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- + Xây dựng mới nhà máy cấp nước Tân Thạnh công suất $Q=6.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

c. Quy hoạch mạng lưới cấp nước:

- Tiếp tục sử dụng hệ thống mạng lưới cấp nước hiện hữu tại các đô thị và các xã, dần thay thế các tuyến ống cấp nước bị xuống cấp.

- Xây dựng mới hệ thống đường ống chuyên tải cấp I, II từ các nhà máy nước tập trung đi trên các tuyến đường chính tạo thành 1 khung kết nối một phần các nhà máy nước nằm trong 1 khu vực thành một hệ thống liên kết cung cấp cho các đô thị.

- Trong các đô thị và các xã tiếp tục xây dựng phát triển hệ thống mạng lưới phân phối cấp III, IV theo quy hoạch chi tiết. Các tuyến ống chính $\text{Đ}300\text{-}\text{Đ}200$ từ nhà máy nước cung cấp cho các khu dân cư xây dựng mới và kết nối với các tuyến ống hiện hữu thành mạng vòng hoàn chỉnh cung cấp cho các công trình và các khu dân cư qua tuyến ống $\text{Đ}100\text{-}\text{Đ}150$.

d. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

- Lưu lượng cấp nước chữa cháy $q = 20 \text{ l/s}$ cho 1 đám cháy trong 3 giờ, số đám cháy xảy ra đồng thời 1 lúc là 3 đám cháy (theo TCVN 2622 – 1995).

- Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch bố trí họng lấy nước chữa cháy $\text{Đ}100$ đặt cách nhau 150m.

12.3.2. Quy hoạch hệ thống cấp nước giai đoạn đầu đến năm 2025:

- Giữ nguyên nhà máy nước hiện hữu, mở rộng và chuyển đổi một số trạm cấp nước khu vực ngoại thị thành các trạm bơm tăng áp.

- Tiếp tục sử dụng hệ thống mạng lưới cấp nước hiện có tại các đô thị và các xã, dần thay thế các tuyến ống cấp nước bị xuống cấp, nâng cao hiệu quả quản lý giảm tỉ lệ thất thoát.

- Xây dựng phát triển mới hệ thống đường ống chuyên tải cấp I, II từ các nhà máy nước tập trung đi trên các tuyến đường chính.

12.4. Định hướng Quy hoạch thoát nước thải:

12.4.1. Quy hoạch thoát nước thải đến năm 2035:

a. Tổng lưu lượng nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: $19.100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải các khu công nghiệp: $7.830 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ sẽ được xử lý triệt để 100% và có hệ thống xử lý riêng cho từng khu công nghiệp.

b. Giải pháp quy hoạch thoát nước thải:

Tăng cường đầu tư để cải thiện từng bước và phát triển hoàn chỉnh các hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường với các mục tiêu cụ thể.

*** Đối với khu vực đô thị:**

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng đồng bộ với các trạm xử lý, nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn cột A TCVN 14-2008/BTNMT trước khi xả ra sông rạch.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý theo 2 cấp: cấp thứ nhất xử lý sơ bộ tại công trình bằng bể tự hoại, cấp thứ 2 xử lý tập trung tại trạm xử lý của. Vị trí đặt các trạm xử lý phải đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường và nguồn tiếp nhận.

- Xây dựng 3 trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực đô thị gồm:

+ Khu vực các phường nội thị hiện hữu của Thị xã Tân Châu xây dựng 1 trạm, có $Q=12.100 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Phường Vĩnh Xương xây dựng 1 trạm xử lý công suất $Q=4.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ vị trí phía Bắc của phường giáp với đường tuần tra biên giới diện tích 1.0ha.

+ Phường Châu Giang xây dựng 1 trạm xử lý công suất $Q=3.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ vị trí phía Bắc của phường giáp với đường tuần tra biên giới diện tích 1.0ha.

*** Đối với các khu cụm công nghiệp:**

- Riêng đối với các khu công nghiệp bắt buộc phải xây dựng hệ thống thoát nước và các trạm xử lý nước thải ngay từ đầu, nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn cột A TCVN40-2011/BTNMT mới được xả ra sông rạch.

- Nước thải được xử lý theo 2 cấp: cấp thứ nhất xử lý sơ bộ tại các nhà máy đạt cột B TCVN, cấp thứ 2 xử lý tập trung tại trạm xử lý của khu cụm công nghiệp đạt cột A.

*** Đối với khu vực nông thôn:**

- Tất cả các hộ dân cư nông thôn đều sử dụng hố xí hợp vệ sinh (hố xí 2 ngăn, hầm biogas, bể tự hoại); loại bỏ hố xí thùng, hố xí tự thấm, nhà cầu trên ao cá tra. Nước thải cần xử lý qua bể tự hoại và ao sinh vật trước khi xả ra sông rạch.

- Tất cả các chuồng trại gia súc đều phải được xây dựng hợp vệ sinh. Khuyến khích và phát triển mạnh việc xây dựng các hầm biogas. Nước thải từ các chuồng trại gia súc cũng phải được xử lý (bể tự hoại, ao sinh vật) trước khi xả ra sông rạch.

12.4.2. Quy hoạch thoát nước thải giai đoạn đầu đến năm 2025:

a. Tổng lưu lượng nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: $9.900 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Nước thải các khu công nghiệp: 3.845 m³/ngày.đêm xử lý triệt để 100% và có hệ thống xử lý riêng cho từng khu công nghiệp.

b. Giải pháp quy hoạch thoát nước thải:

Tăng cường đầu tư để cải thiện từng bước và phát triển hoàn chỉnh các hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường với các mục tiêu cụ thể.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng đồng bộ với các trạm xử lý, nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn cột A TCVN 14-2008/BTNMT trước khi xả ra sông rạch.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý theo 2 cấp: cấp thứ nhất xử lý sơ bộ tại công trình bằng bể tự hoại, cấp thứ 2 xử lý tập trung tại trạm xử lý.

- Khu vực đô thị: xây dựng 3 trạm xử lý nước thải sinh hoạt gồm:

+ Trạm tại các phường nội thị hiện hữu công suất Q=12.100 m³/ngày.

+ Trạm xử lý tại Phường Vĩnh Xương công suất Q=4.000 m³/ngày.

+ Trạm xử lý tại Phường Châu Giang công suất Q=3.000 m³/ngày.

- Riêng đối với các khu công nghiệp bắt buộc phải xây dựng hệ thống thoát nước và các trạm xử lý nước thải ngay từ đầu, nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn cột A TCVN40-2011/BTNMT mới được xả ra sông rạch.

- Nước thải các khu công nghiệp được xử lý theo 2 cấp: cấp thứ nhất xử lý sơ bộ tại các nhà máy đạt cột B TCVN, cấp thứ 2 xử lý tập trung tại trạm xử lý của khu cụm công nghiệp đạt cột A.

12.5. Quản lý chất thải rắn (CTR):

12.5.1. Quản lý chất thải rắn đến năm 2035:

- Tổng lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 320 tấn/ngày.đêm

+ CTR sinh hoạt khoảng 200 tấn, tiêu chuẩn khu vực đô thị 1kg/người.ngày, khu vực nông thôn 0,8 kg/người.ngày.

+ CTR công nghiệp khoảng 120 tấn/ngày, tiêu chuẩn 0,3 tấn /ha.ngày.

*** Giải pháp quản lý chất thải rắn:**

- Trên cơ sở các công ty môi trường hiện hữu tại từng địa phương phát triển bố trí nhân lực quản lý và phương tiện thu gom chất thải rắn tại từng đô thị và khu vực ngoại thị. Khuyến khích việc xã hội hoá công tác thu gom chất thải rắn.

- Tại mỗi khu vực đô thị và xã ngoại thị xây dựng 1 điểm tập kết chất thải rắn/1 đơn vị hành chính, chất thải rắn hàng ngày được thu gom về điểm tập kết sau đó được vận chuyển tới khu xử lý tập trung của khu vực, chất thải rắn nguy hại công nghiệp được đưa về khu xử lý tập trung của Tỉnh.

- Chất thải rắn được xử lý tại cụm xử lý Phú Tân – Tân Châu có diện tích 20ha công suất xử lý 200-300 tấn/ngày vị trí dự kiến khu vực xã Phú Thạnh (vị trí nằm ngoài ranh quy hoạch).

- Riêng khu vực Bắc kênh Xáng đề xuất bố trí thêm một cụm xử lý rác thải với công suất 30 tấn/ngày để không phải chở rác qua trung tâm thị xã.

12.5.2. Quản lý chất thải rắn giai đoạn đầu đến năm 2025:

+ Chất thải rắn được xử lý tại cụm xử lý Phú Tân – Tân Châu có diện tích 20Ha công suất xử lý 200-300 tấn/ngày vị trí dự kiến khu vực xã Phú Thạnh (vị trí nằm ngoài ranh quy hoạch).

+ Riêng khu vực Bắc Kênh Xáng đề xuất bố trí thêm một cụm xử lý rác thải với công suất 30 tấn/ngày để không phải chở rác qua trung tâm thị xã.

12.6. Định hướng Quy hoạch nghĩa trang:

12.6.1. Quản lý nghĩa trang đến năm 2035:

** Giữ lại các khu nghĩa trang:*

- Giữ lại khu nghĩa trang nhân dân và nghĩa trang liệt sĩ tại Long Châu: 2,8ha

- Giữ lại khu nghĩa trang nhân dân tại xã Long An : 1ha

- Giữ lại khu nghĩa trang nhân dân tại xã Châu Phong : 2ha

** Mở rộng các khu nghĩa trang:*

- Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Vĩnh Xương : 1ha

- Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Phú Lộc : 2ha

- Mở rộng nghĩa trang tập trung tại trung tâm đô thị : 7ha

** Xây dựng mới các khu nghĩa trang:*

- Xây mới nghĩa trang nhân dân tại xã Lê Chánh : 1ha

- Xây mới nghĩa trang nhân dân tại xã Phú Vĩnh : 2ha

- Xây mới nghĩa trang nhân dân tại xã Tân An : 2ha

- Xây mới nghĩa trang nhân dân tại xã Vĩnh Hòa : 1ha

Tổng diện tích đất nghĩa trang là: 21,8ha (kể cả nghĩa trang liệt sĩ 1ha tại phường Long Châu). Mỗi khu vực cần xây dựng 1 trung tâm hỏa táng đảm bảo các yếu tố về vệ sinh môi trường.

12.6.2. Quy hoạch nghĩa trang giai đoạn đầu đến năm 2025:

+ Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Vĩnh Xương : 1ha

+ Mở rộng nghĩa trang tập trung tại trung tâm đô thị : 7ha

12.7. Định hướng Quy hoạch hệ thống cấp điện:

12.7.1. Quy hoạch hệ thống cấp điện đến năm 2035:

a. Nguồn điện:

- Nguồn cấp điện chính hiện hữu 220KV/110KV Châu Đốc đến trạm 110KV/35KV/22KV Long Phú.

- Đã đầu tư hoàn chỉnh giai đoạn 1.

- Từ trạm Long Phú cấp nhánh 35KV đến khu công nghiệp Long Sơn, Nam Kênh xáng và đến cửa khẩu Vĩnh Xương.

- Tương lai xa, nhu cầu cấp điện cửa khẩu lớn sẽ xây dựng trạm 110KV/35KV/22KV Vĩnh Xương cung cấp cho Khu Công nghiệp và Khu Kinh tế cửa khẩu Vĩnh Xương.

b. Phụ tải cấp điện:

- Tổng công suất cấp điện công nghiệp:

+ Năm 2025: 25.632 KVA

+ Năm 2035: 52.200 KVA

- Tổng công suất cấp điện sinh hoạt:

+ Năm 2025: Đô thị: 50.000 KVA; Nông thôn: 11.870 KVA

+ Năm 2035: Đô thị: 112.600 KVA; Nông thôn: 18.800 KVA

c. Lưới điện:

* Tuyến trung thế:

- Điện áp chuẩn: 22kV, 3 pha. Đối với trung tâm thị xã, sử dụng mạch vòng vận hành hở.

- Các tuyến trục từ trạm 110kV ra có chiều dài 15 - 30km, các nhánh chính dài 10 - 20km.

- Đường dây trên không sử dụng dây nhôm lõi thép (AC) bọc nhựa.

- Thực hiện các phương thức bù để đạt hệ số công suất.

- Đa phần các tuyến trung thế là 3 pha. Các tuyến 1 pha chỉ được xây dựng cung cấp điện ánh sáng sinh hoạt cho các cụm dân cư rải rác ở nông thôn hay một số ít phụ tải 1 pha.

* Trạm hạ thế:

- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối là 22/0,4kV.

- Trong trung tâm thị xã các trạm sinh hoạt nên dùng trạm tập trung đặt trong nhà, có dung lượng lớn từ 250kVA trở lên.

- Khu vực nông thôn sử dụng trạm có dung lượng nhỏ, đặt trên trụ.

* Lưới hạ thế:

- Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.
- Dây dẫn là loại cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không.
- Bán kính cấp điện của trạm hạ thế cho khu đô thị từ 300 - 500m và ở nông thôn từ 500-800m ở các khu dân cư tập trung.

* Lưới điện chiếu sáng:

- Cấp điện áp chuẩn: 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.
- Dây dẫn là loại cáp nhôm vặn xoắn (cáp ABC) cho đường dây trên không.
- Đèn chiếu sáng là loại đèn cao áp thủy ngân hoặc sodium 220V, công suất từ 150W đến 250W, hoặc các loại đèn tiết kiệm điện, mức độ chiếu sáng phải đạt theo tiêu chuẩn TCXDVN 259: 2001.

12.7.2. Quy hoạch hệ thống cấp điện giai đoạn đầu đến năm 2025:

- Hiện nay thị xã Tân Châu được cấp điện bởi nguồn cấp chính 220KV/110KV Châu Đốc đến trạm 110KV/35KV/22KV Long Phú.
- Đã đầu tư hoàn chỉnh giai đoạn 1.
- Từ trạm Long Phú cấp nhánh 35KV đến khu công nghiệp Long Sơn, Nam Kênh xáng và đến cửa khẩu Vĩnh Xương.

12.8. Định hướng Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

a. Nguồn cấp: Hệ thống thông tin được cung cấp từ 2 nguồn chính:

- Nguồn 1: Cung cấp từ tổng đài thành phố Châu Đốc vượt sông Hậu, theo tuyến cáp quang cáp đường Tỉnh 953 đến tổng đài thị xã Tân Châu.
- Nguồn 2: Cung cấp từ tổng đài Long Xuyên vượt sông Hậu qua Chợ Mới theo đường Tỉnh 954 đến tổng đài Phú Mỹ và nối tuyến đến thị xã Tân Châu.

b. Tiêu chuẩn và nhu cầu quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Tính toán dân số đến năm 2035 là: 213.190 người, Trong đó:
 - + Khu vực nội thị: 1,2 máy/hộ x 36.000 hộ = 43.200 máy
 - + Khu vực ngoại thị: 1 máy/hộ x 16.000 hộ = 16.000 máy
- => Tổng = 59.200 máy
- Mạng di động phổ biến đến 80% dân số \approx 170.552 máy.

13. Đánh giá môi trường chiến lược: Hồ sơ đánh giá môi trường chiến lược thực hiện theo quy định Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2035 này thay thế cho đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tân Châu và Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 29/10/2007 của UBND tỉnh An Giang.

Điều 3. Ban hành kèm theo quyết định này là bản Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2035.

Điều 4. Giao cho Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu:

1. Tổ chức công đồ án quy hoạch chung thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2035, để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Chỉ đạo việc thực hiện đồ án quy hoạch chung thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đến năm 2035. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Tân Châu, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Nung